ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ 11

Câu 1: Phong trào Ngũ tứ nổ ra nhằm mục đích gì?
A. Lật đổ chính quyền Mãn Thanh.
B. Đánh đuổi các nước đế quốc xâm lược Trung Quốc.
C. Cải cách kinh tế, chính trị, xã hội đưa Trung Quốc phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
D. Phản đối âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.
Câu 2: Phong trào Ngũ tứ diễn ra trong thời gian nào?
A. Tháng 5/ 1919. B. Tháng 6/ 1919.
C. Tháng 7/ 1919. D. Tháng 8/ 1919.
Câu 3: Mở đầu phong trào là cuộc đấu tranh lực lượng nào?
A. Công nhân. B. Nông dân. C. Học sinh, sinh viên. D. Binh lính.
Câu 4: Cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên diễn ra ở đâu?
A. Thượng Hải. B. Bắc kinh. C. Hồng Công. D. Nam Kinh.
Câu 5: Nhận định nào dưới đây *không* phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của phong trào Ngũ tứ?
A. Lần đầu giai cấp công nhân Trung Quốc xuất hiện trên vũ đài chính trị.
B. Tính chất phong trào đã chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang dân chủ tư sản kiểu mới.
C. Giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị độc lập.
D. Đánh đổ hoàn toàn ách thống trị của thực dân, phong kiến.
Câu 6: Tính chất của phong trào Ngũ tứ là gì?
A. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ.
B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
C. Cách mạng vô sản.
D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
Câu 7: Tư tưởng được truyền vào Trung Quốc sau phong trào Ngũ tứ là
A. tư tưởng phong kiến bảo thủ.
B. tư tưởng cải cách ở Nhật Bản.
C. Chủ nghĩa Mác- Lê nin.
D. tư tưởng của chủ nghĩa phát xít.
Câu 8: Đảng cộng sản Trung Quốc ra đời vào thời gian nào?
A. Tháng 5/ 1921.
B. Tháng 6/ 1921.
C. Tháng 7/ 1921.
D. Tháng 8/ 1921.
Câu 11: Ý nào dưới đây *không* phản ánh đúng ý nghĩa ra đời của Đảng cộng sản Trung Quốc?
A. Đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc.
B. Từ đây giai cấp vô sản đã có chính Đảng của mình.
C. Đánh dấu việc giai cấp vô sản nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Trung Quốc.
D. Chuyển cách mạng Trung Quốc từ dân chủ tư sản kiểu cũ sang Dân chủ tư sản kiểu mới.
Câu 12: Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước thực dân phương tây có chính sách gì đối với các nước thuộc địa?
A. Tăng cường buôn bán.
B. Tăng cường hợp tác kinh tế, khoa học, kĩ thuật.
C. Tăng cường chính sách khai thác và bốc lột.
D. Tăng cường lực lượng quân đội.
Câu 15: Về chính trị, các nước Đông Nam Á có điểm chung gì?
A. Bị chính quyền thực dân cai trị.
B. Quyết định mọi vấn đề là người bản xứ.
C. Đều do vua chuyên chế đứng đầu.

D. Người dân tự quyết định tương lai chính trị của mình.
Câu 16: Những giai cấp nào không phải ra đời sau chiến tranh thế giới thứ nhất ở các nước Đông Nam Á?
A. Công nhân.
B. Nông dân.
C. Tư sản.
D. Trí thức, tiểu tư sản.
Câu 17: Trên thế giới, sự kiện nào ảnh hưởng đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á?
A. Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất.
B. Sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.
C. Phong trào công nhân thế giới phát triển mạnh.
D. Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
Câu 18: Sau chiến tranh thế giới, phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á phát triển với quy mô như thế nào?
A. Chỉ diễn ra ở ba nước trên bán đảo Đông Dương.
B. Chỉ diễn ra ở Việt Nam.
C. Chỉ diễn ra ở nơi nào có Đảng cộng sản lãnh đạo.
D. Diễn ra hầu khắp các nước.
Câu 19: Nội dung nào dưới đây không phản ánh đầy đủ mục tiêu đấu tranh của giai cấp tư sản ở các nước Đông Nam Á đầu thế kỉ XX?
A. Đòi tự do kinh doanh.
B. Đòi tự chủ về chính trị.
C. Đòi dùng tiếng mẹ đẻ trong nhà trường.
D. Đòi .
Câu 20: Đảng cộng sản được thành lập ở In- đô- nê- xia vào thời gian nào?
A. Năm 1919.
B. Năm 1920.
C. Năm 1921.
D. Năm 1922.
Câu 21: Cuộc cách mạng năm 1932 nổ ra ở đâu trên lãnh thổ Xiêm?
A. Vùng rừng núi.
B. Đồng bằng.
C. Nông thôn.
D. Thủ đô Băng cốc.
Câu 22: Cuộc cách mạng năm 1932 có ý nghĩa như thế nào đôiú với nước Xiêm?
A. Thay thế chế độ quân chủ bằng chế độ quân chủ lập hiến.
B. Tạo điều kiện để tiến hành cải cách theo hướng tư sản.
C. Mở ra một thời kì phát triển mới.
D. Cả A, B, C.
BÀI 17
Câu 23: Các nước phát xít sau khi hình thành liên minh đã có hành động gì?
A. Tăng cường các hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều nơi trên thế giới.
B. Đầu tư vốn vào nhiều nơi trên thế giới.
C. Tăng cường trang bị vũ khí cho quân đội để chuẩn bị chiến tranh.
D. Ra sức đầu tư phát triển vũ khí mới để chuẩn bị chiến tranh.
Câu 24: Ý nào dưới đây *không* phản ánh đúng nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai 1939 -1945?
A. Do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 -1933.
B. Sự xuất hiện của Chủ nghĩa Phát xít ở Đức, Italia, Nhật Bản và chính sách phản động, hiếu chiến, gây ra chiến tranh xâm lược nhiều nơi trên thế giới.

C. Chính sách thỏa hiệp của Anh, Pháp, Mĩ tạo điều kiện cho Phát xít phát động chiến tranh.
D. Do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1918 – 1923.
Câu 25: Từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941, phát xít Đức nhanh chóng chiếm được châu Âu là vì
A. Đức có ưu thế sức mạnh quân sự, đồng thời thực hiện kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng.
B. Đức có ưu thế sức mạnh quân sự.
C. các nước châu Âu tiếp tục chính sách thỏa hiệp nên không tích cực chống trả. Hơn nữa, Đức có ưu thế về sức mạnh quân sự.
D. các nước châu Âu thể hiện thái độ nhượng bộ phát xít nên không tích cực chống trả khi bị tấn công.
Câu 26: Phát xít Italia năm 1935 đã xâm lược nước nào ở Châu Phi?
A. Ai cập.
B. Ma rốc.
C. Angeri.
D. Êtiopia.
Câu 27: Sau khi xé bỏ hòa ước Vecxai, nước Đức phát xít hướng tới mục tiêu là
A. chuẩn bị xâm lược các nước tây Âu.
B. chuẩn bị tấn công Liên Xô.
C. thành lập một nước Đại Đức bao gồm toàn bộ châu Âu.
D.
Câu 28: Trong bối cảnh đó, thái độ của Liên Xô đối với nước Đức như thế nào?
A. Coi nước Đức là đồng minh.
B. Phớt lờ trước hành động của nước Đức.
C. Coi nước Đức là kẻ thù nguy hiểm nhất.
D.
Câu 29: Liên Xô có chủ trương gì đối với các nước tư bản khác?
A. Liên kết với các nước tư bản Anh, Pháp.
B. Đối đầu với các nước tư bản Anh, Pháp.
C. Hợp tác chặt chẽ với các nước Anh, Pháp.
D.
Câu 30: Thái độ của các nước tư bản đối với Liên Xô như thế nào?
A. Liên kết với Liên Xô.
B. Hợp tác chặt chẽ với Liên Xô.
C. Thù ghét Liên Xô.
D. Thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít hòng đẩy mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô.
Câu 31: Hội nghị Muy-ních được triêu tập vào thời gian nào?
A. Tháng 8/ 1938.
B. Tháng 9/ 1938.
C. Tháng 10/ 1938.
D. Tháng 11/ 1938.
Câu 32: Trước hành động leo thang chuẩn bị chiến tranh của Đức, Liên Xô có chính sách đối ngoại như thế nào với Đức?
A. Đối đầu với Đức.
B. Sẵn sàng chiến đấu chống lại Đức.
C. Bắt tay với Anh, Pháp, Mĩ để cô lập Đức.
D. Kí với Đức bản Hiệp định Xô- Đức.
Câu 33: Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ được mở đầu bằng sự kiện nào?
A. Đức tấn công Tiệp Khắc.
B. Đức tấn công Ba Lan.
C. Đức tham gia hội nghị Muy- nich.
D.

Câu 34: Đức tấn công Ba Lan vào thời gian nào?
A. Tháng 7/1939.
B. Tháng 8/1939.
C. Tháng 9/1939.
D. Tháng 10/1939.
Câu 35: Khi đức đánh chiếm Ban Lan, Đức thực hiện chiến lược gì?
A. Đánh nhanh thắng nhanh.
B. Chiến tranh chớp nhoáng.
C. Đánh lâu dài.
D. Đánh chắc, tiến chắc.
Câu 36: Đức chuyển hướng tấn công từ phía Đông sang Tây vào thời gian nào?
A. Tháng 1/1940.
B. Tháng 2/1940.
C. Tháng 3/ 1940.
D. Tháng 4/ 1940.
Câu 37: Đức thực hiện kế hoạch đánh nước Anh vào thời gian nào?
A. Tháng 7/ 1940.
B. Tháng 8/1940.
C. Tháng 9/1940.
D. Tháng 10/ 1940.
Câu 37: Chiến thắng Matxcova có ý nghĩa như thế nào?
A. Đánh bại hoàn toàn quân Đức ở Liên Xô.
B. Làm tổn thất nặng nề quân Đức, tạo bước ngoặt chiến tranh.
C. Làm phá sản chiến lược chiến tranh chớp nhoáng của Hitle.
D. Quân Đức chuyển sang thế bị động.
Câu 38: Quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng vào thời gian nào?
A. Tháng 10/ 1941.
B. Tháng 11/ 1941.
C. Tháng 12/ 1941.
D. Tháng 1/ 1941.
Câu 39: Chiến thắng Xtalingrat có ý nghĩa gì?
A. Đánh bại hoàn toàn quân Đức ở Liên Xô.
B. Tạo bước ngoặt của chiến tranh.
C. Đây là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử quân sự Liên Xô.
D. Phát xít Đức phải đầu hàng Đồng minh.
Câu 40: Vai trò của Liên Xô trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào?
A. Là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
B. Có vai trò quan trọng tiêu diệt chủ nghĩa Phát xít.
C. Góp phần nhỏ vào tiêu diệt chủ nghĩa Phát xít.
D. Liên Xô là một trong ba cường quốc là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
Câu 41. Cuộc chiến tranh chống phát xít thắng lợi dựa vào nguyên nhân nào?
A. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của Hồng quân Liên Xô và nhân loại tiến bộ thế giới.
B. Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
C. Tương quan lực lượng giữa hai phe phát xít và đồng minh quá chênh lệch.
D. Phe phát xít chưa chế tạo được bom nguyên tử.
42. Điểm khác biệt lớn nhất giữa cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và thứ hai (1939-1945) là
A. nổ ra do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc.
B. nổ ra do mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa với Liên Xô.

C. có sự can thiệp của vũ khí hạt nhân.
D. tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh thay đổi khi Liên Xô tham chiến.
BÀI 19
Câu 41: giữa thế kỉ XIX, Việt Nam là:
A. Quốc gia phong kiến độc lập có chủ quyền.
B. Một nước thuộc địa của Pháp.
C. Thuộc địa của Tây Ban Nha.
D. Phụ thuộc vào Pháp.
Câu 42: Vào giữa thế kỉ XIX, chế độ phong kiến ở Việt Nam đang trong tình trạng.
A. Phát triển nhanh chóng.
B. Khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
C. ổn định.
D. Có nền công- thương nghiệp phát triển.
Câu 43: Cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra năm 1854- 1856 là
A. Khởi nghĩa Lê Duy Lương.
B. Khởi nghĩa Lê Văn Khôi.
C. Khởi nghĩa Nông Văn Vân.
D. Khởi nghĩa Cao Bá Quát.
Câu 44: Cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân nổ ra ở đâu?
A. Sơn Tây.
B. Thanh Hóa.
C. Tuyên Quang- Cao Bằng.
D. Lai Châu.
Câu 45: Nguyên nhân thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam là để.
A. giúp Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn.
B. Mở rộng thị trường.
C. Khai hóa văn minh cho Triều Tiên.
D. Truyền đạo.
Câu 46: Nguyên cớ để thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam là do?
A. Vương triều Tây Sơn sụp đổ.
B. Vua Tự Đức mất.
C. Lực lượng giáo dân ủng hộ.
D. Nhà Nguyễn cấm đạo Thiên Chúa.
Câu 47:Người chỉ huy quân ta chống lại thực dân Pháp ở Gia Định là ai?
A. Trương Định.
B. Nguyễn Tri Phương.
C. Nguyễn Hữu Huân.
D. Võ Duy Dương.
Câu 48: Người lãnh đạo trận đánh chìm tàu chiến Etperang trên sông Vàm Cỏ Đông là
A. Nguyễn Tri Phương.
B. Nguyễn Trung Trực.
C. Nguyễn Hữu Huân.
D. Nguyễn Thông.
Câu 49: " Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người nước Nam đánh Tây" là câu nói nổi tiếng của
A. Nguyễn Hữu Huân.
B. Nguyễn Trung Trực.
C. Nguyễn Tri Phương.
D. Trương Định.

Câu 50: Người chỉ huy quân triều đình phối hợp chiến đấu cùng nhân dân Đà Nẵng trong những ngày đầu Pháp đặt chân xâm lược là.
A. Lưu Vĩnh Phúc.
B. Hoàng Diệu.
C. Nguyễn Tri Phương.
D. Hồng Tá Viêm.
Câu 51: Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) giữa pháp và Triều đình nhà Nguyễn kí kết trong hoàn cảnh nào?
A. Vua Tự Đức mất.
B. Pháp chiếm Gia Định.
C. Đại đồn Chí Hòa bị vỡ.
D. Kháng chiến của nhân dân miền Đông lên cao.
Câu 52: Pháp đã tấn công thành Gia Định vào ngày.
A. 9/2/1959.
B. 16/2/1859.
C. 17/2/1959.
D. 23/3/1860.
Câu 53: Triều đình nhà Nguyễn đã kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất vào ngày.
A. 22/6/1861.
B. 5/6/1862.
C. 10/12/1861.
D. 23/3/1862.
Câu 54: Người liên lạc với Pucombo(người Campuchia) để tổ chức kháng chiến chống Pháp là ai?
A. Trương Định.
B. Trương Quyền.
C. Phan Tôn.
D. Phan liêm.
Câu 55: Người bất chấp " lệnh bãi binh" của triều đình tiếp tục chống Pháp ở Nam Kì là?
A. Nguyễn Hữu Huân.
B. Nguyễn Trung Trực.
C. Nguyễn Tri Phương.
D. Trương Định.
Câu 56: Người được nhân dân miền Tây suy tôn " Bình Tây Đại nguyên soái" là.
A. Nguyễn Tri Phương.
B. Trương Định.
C. Nguyễn Trung Trực.
D. Trương Quyền.
Câu 57: Nguyên nhân chính dẫn đến sự thất bại của phong trào kháng chiến ở 3 tỉnh miền Tây Nam Kì là do?
A. Nguyễn Hữu Huân bị bắt.
B. Nguyễn Trung Trực bị hành hình.
C. Quân giặc mạnh, có vũ khí hiện đại.
D. Phong trào kháng chiến của nhân dân không sôi nổi.
Câu 58: Lực lượng đông đảo nhất trong phong trào chống Nhật ở Nam kì là.
A. Công nhân.
B. Tư sản.
C. Địa chủ.
D. Nông dân.
Câu 59: Sau khi mất 6 tỉnh Nam Kì, triều đình nhà Nguyễn đã.
A. Tổ chức cho nhân dân phản công để lấy lại.

B. Mặc nhiên thừa nhận là vùng đất của Pháp, không nghĩ đến việc giành lại.
C. Thương lượng với Pháp để xin chuộc.
D. Chuẩn bị lực lượng, chờ thời.
Câu 60: Sau khi chiếm được 6 tỉnh Nam Kì, thực dân Pháp đã.
A. Tìm cách xoa dịu nhân dân.
B. Bị triều đình nhà Nguyễn phản ứng.
C. Bắt tay thiết lập bộ máy cai trị, chuẩn bị kế hoạch đánh ra Bắc Kì.
D. Ngừng kế hoạch mở rộng cuộc chiến để cũng cố lực lượng.
Câu 61: Quân triều đình nhanh chóng thất thủ tại thành Hà Nội năm 1873 vì.
A. Triều đình ra lệnh đầu hàng.
B. Họ chóng cự yếu ớt.
C. Đã thực hiện chiến thuật phòng thủ, dựa vào thành đợi giặc, chưa kết hợp với nhân dân để kháng chiến.
D. Lo đàn áp nhân dân.
Câu 62: Tại trận cầu giấy lần thứ nhất (12/1873), tướng giặc bị tiêu diệt là.
A. Gác ni ê.
B. Rivie.
C. Hác măng.
D. Đuy puy.
Câu 63: Chiến thắng Cầu Gi ấy lần thứ 1 (12/1873), lần thứ 2 (5/1883), giết chết 2 kẻ cầm đầu tấn công Bắc Kì (Gác-ni- ê, Rivie), đều là chiến ccoong của
A. Nhân binh Hà Nội.
B. Quân triều đình.
C. Quân cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc.
D. Quân cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc phối hợp với quân của Hoàng Tá Viêm.
Câu 64: Sự kiện đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp là.
A. Quân Pháp tấn công Thuận An.
B. Triều đình kí Hiệp ước Hác Măng (1883) và Hiệp ước Pa- tơ- nốt (1884).
C. Không chọn được người kế vị Tự Đức.
D. Thành Hà Nội thất thủ lần thứ 2 (1882).
Câu 65: Đại diện phái chủ chiến trong triều đình Huế là.
A. Tôn Thất Thuyệt.
B. Trương Quang Ngọc.
C. Tôn Thất Thuyết.
D. Phan Thanh Giarn.
Câu 66: Cuộc phản công kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đã.
A. Đưa vua Hàm Nghi và Tam cung rời khỏi Hoàng thành đến sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị).
B. Mượn lời Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương.
C. Chiêu mộ nghĩa quân, xây dựng căn cứ tại Quảng Bình, Hà Tĩnh tiếp tục kháng chiến chống Pháp.
D. Cả 3 ý trên đều đúng.
Câu 67: Cuộc phản công kinh thành Huế thất bại vì.
A. Lực lượng chưa được chuẩn bị chu đáo, vũ khí thô sơ.
B. Thực dân Pháp mạnh cả binh lực, hỏa lực.
C. Tôn Thất Thuyết chưa liên kết và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bên ngoài.
D. Cả A,B, C.
Câu 68: Tôn Thất Thuyết mượn lời Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương khi đang ở đâu?
A. Kinh đô Huế.
B. Căn cứ Tân Sở (Quảng Trị).
C. Căn cứ Ba Đình.
D. Đồn Mang Cá.

Câu 69: Nội dung chiếu Cần Vương đã.
A. Tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp.
B. Khẳng định quyết tâm chống Pháp của triều đình kháng chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi.
C. Kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước, khôi phục quốc gia phong kiến độc lập.
D. Cả 3 ý trên đều đúng.
Câu 70: Chiếu Cần Vương được đông đảo nhân dân hưởng ứng vì.
A. Đó là chiếu chỉ của nhà vua yêu nước đại diện cho triều đình kháng chiến.
B. Nhân dân oán giận bộ phận vua quan phong kiến nhu nhược và căm thù thực dân Pháp.
C. Đáp ứng được nguyện vọng đấu tranh giành tự do, độc lập của nhân dân ta.
D. Cả A, B, C.
Câu 71: Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (11/1888) phong trào Cần Vương đã.
A. Tiếp tục hoạt động, quy tụ lại thành những trung tâm lớn, có xu hướng đi vào chiều sâu.
B. Hoạt động cầm chừng.
C. Tiếp tục hoạt động, nhưng thu hẹp vào Nam Trung Bộ.
D. Chấm dứt hoạt động.
Câu 72: Lãnh tụ khởi nghĩa Ba Đình là.
A. Phạm Bành, Đinh Công Tráng.
B. Phạm Bành, Nguyễn Thiện Thuật.
C. Đinh Công Tráng, Nguyễn Xuân Bích.
D. Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng.
Câu 73: Căn cứ phụ của Ba Đình là.
A. Phi Lai.
B. Quảng Hóa.
C. Mã Cao.
D. Thượng Thọ.
Câu 74: Nghĩa quân chọn Ba Đình để xây dựng căn cứ vì.
A. Địa thế rừng núi hiểm trở, thuận lợi cho cách đánh du kích.
B. Vùng lau sậy um tùm, dễ che dấu lực lượng và đánh mai phục.
C. Có lũy tre dày bao bọc, thuận lợi cho xây dựng căn cứ phòng thủ, gần quốc lộ Bắc – Nam.
D. Đây là vùng sông nước, thuận lợi cho đánh thủy.
Câu 75: Những nhận xét đúng về thuận lợi, khó khăn của căn cứ Ba Đình là.
A. Vị trí ba làng tạo thế chân kiềng, nghĩa quân dễ dàng phối hợp, hỗ trợ nhau trong chiến đấu.
B. Mạnh về phòng thủ, hạn chế trong việc tấn công và rút lui.
C. Gần quốc lộ Bắc – Nam, nghĩa quân có thể khống chế và tiêu diệt địch trên tuyến giao thông quan trọng này.
D. Cả A , B, C.
Câu 76: Lãnh tụ khởi nghĩa Hương Khê là.
A. Phan Đình Phùng- Đinh Công Tráng.
B. Phạm Bành- Đinh Công Tráng.
C. Nguyễn Thiện Thuật- Nguyễn Quang Bích.
D. Phan Đình Phùng- Cao Thắng.
Câu 77: Thời gian tồn tại của khởi nghĩa Hương Khê là.
A. 5 năm.
B. 10 năm.
C. 13 năm.
D. 15 năm.
Câu 78: Căn cứ Bãi Sậy thuộc tỉnh nào?
A. Hưng Yên.
B. Thanh Hóa.

C. Nam Định.
D. Sơn Tây.
Câu 79: Nghĩa quân chọn Bãi sậy để xây dựng căn cứ vì.
A. Địa thế rừng núi hiểm trở, thuận lợi cho cách đánh du kích.
B. Vùng đầm hồ, lau sậy um tùm, dể che giấu lực lượng và mai phục đánh địch.
C. Vùng đầm lầy, nghĩa quân có thể xây dựng căn cứ phòng thủ.
D. Vùng trung du, dễ đánh và rút lui.
Câu 80: Lãnh tụ phong trào Yên Thế là.
A.Nguyễn Thiện Thuật.
B. Phan Đình Phùng.
C. Hoàng Hoa Thám.
D. Cao Thắng.
Câu 81: Phong trào Yên Thế do.
A. Nông dân tự động kháng chiến.
B. Phong trào Cần Vương khởi xướng.
C. Triều đình Tổ chức.
D. Các cuộc khởi nghĩa Cần Vương hợp lại.
Câu 82: Nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đã có 2 lần giảng hòa với Pháp (1894, 1897) vì.
A. Thế và lực của ta mạnh hơn Pháp.
B. Cần tranh thủ thời gian giảng hòa để củng cố căn cứ và xây dựng lực lượng.
C. Cần thương lượng để cùng chia sẻ vùng Yên Thế với Pháp.
D. Bị Pháp ép buộc.
Câu 83: Chính sách khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp tập trung vào.
A. Phát triển kinh tế nông nghiệp- công thương nghiệp.
B.Nông nghiệp- công nghiệp- quân sự.
C. Cướp đất lập đồn điền, khai thác mỏ, giao thông, thu thuế.
D. Ngoại thương- quân sự- giao thông thủy bộ.
Câu 84: Tuyến đường xe lửa Hà Nội- Lạng Sơn được hoàn thành vào năm.
A. 1902.
B. 1905.
C. 1904.
D. 1906.
Câu 85: Đặc điểm mới của nền kinh tế Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác lần thứ nhất là.
A. Nền kinh tế phong kiến phát triển.
B. Nền kinh tế- xã hội thuộc địa nửa phong kiến.
C. Nền kinh tế- xã hội thuộc địa hoàn toàn.
D. Nền kinh tế- Xã hội tư bản chủ nghĩa.
Câu 86: Trước khi pháp xâm lược, xã hội Việt Nam có 2 giai cấp cơ bản nào.
A. Địa chủ phong kiến và nô lệ.
B. Địa chủ phong kiến và tư sản.
C. Công nhân và nông dân.
D. Địa chủ phong kiến và nông dân.
Câu 87: Công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp đã làm phân hóa xã hội Việt Nam, những lực lượng xã hội mới xuất hiện là.
A. Địa chủ yêu nước- tư sản- tiểu tư sản.
B. Giai cấp công nhân- nông dân- tư sản.
C. Giai cấp công nhân- tư sản- tiểu tư sản.
D. Địa chủ- công nhân- nông dân.
Câu 88: Người làm Thầy giáo thuộc tầng lớp.

A. Công nhân.
B. Tư sản.
C. Địa chủ.
D. Tiểu tư sản.
Câu 89: Giai cấp công nhân tập trung đông nhất ở ngành.
A. Khai thác mỏ.
B. Đồn điền.
C. Địa chủ.
D. Tiểu tư sản.
Câu 90: Thực dân Pháp tập trung khai thác mỏ vì.
A. Dễ khai thác.
B. Nhanh chóng đem lại lợi nhuận lớn.
C. Không bị các đối thủ cạnh tranh.
D. Nhằm phát triển ngành công nghiệp khai khoáng cho Việt Nam.
Câu 91: Công cuộc khia thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp được tiến hành vào năm.
A. 1884. B. 1897. C. 1906. D. 1912.
Câu 92: Viên Toàn quyền Pháp đầu tiên gắn liền với chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất là.
A. Anbexaro.
B. P. đume.
C. Đê cuaca bô.
D. A. Varen.
Câu 93: Vào những năm đầu thế kỉ XIX, một số nhà yêu nước Việt Nam muốn đi theo con đường cứu nước của Nhật Bản vì.
A. Nhật Bản là nước " đồng văn, đồng chủng", là nước duy nhất ở châu Á thoát khỏi số phận một nước thuộc địa.
B. Sau cải cách Minh Trị (1868), Nhật Bản trở thành nước tư bản hùng mạnh.
C. Nhật Bản đã đánh thắng đế quốc Nga (1905), là quốc gia duy nhất ở Châu Á lúc bấy giờ tháng đế quốc phương Tây.
D. Cả A , B, C.
Câu 94: Phan Bội Châu thành lập Hội Duy Tân vào năm nào?
A. 1902. B. 1904. C. 1908. D. 1912.
Câu 95: Mục đích hoạt động của Hội Duy Tân là gì?
A. Đánh đuổi thực dân Pháp và phong kiến giành độc lập dân tộc.
B. Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.
C. Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập một chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.
D. Đánh đuổi thực dân Pháp khôi phục lại chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam.
Câu 96: Tháng 8/1908, phong trào Đông Du tan rả vì.
A. Phụ huynh đòi đưa con em về nước trước thời hạn.
B. Đã hết thời gian đào tạo, học sinh phải về nước.
C. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng nên đưa học sinh về nuwowcxs.
D.Nhà cầm quyền pháp cấu kết với Nhật, trục xuất những người yêu nước Việt Nam (kể cả Phan Bội Châu).
Câu 97: Những hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục thực sự là.
A. Cuộc vận động văn hóa lớn.
B. Cuộc cải cách kinh tế.
C. Cải cách xã hội.
D. Cải cách toàn diện kinh tế- văn hóa- xã hội.
Câu 98: Cụ Phan Châu Trinh sinh ra ở tỉnh nào?
A. Nghệ An.
B. Quảng Bình.

C. Quảng Ngãi.
D. Quảng Nam.
Câu 99: Đường lối cứu nước của cụ Phan Châu Trinh là.
A. Chống Pháp và chống phong kiến.
B. Cải cách nâng cao dân sinh dân trí dân quyền dựa vào Pháp đánh đổ Phong kiến.
C. Dựa vào Pháp chống phong kiến xây dựng nước Việt Nam cộng hòa.
D. Dùng bạo lực giành độc lập.
Câu 100: Hoạt động cứu nước của cụ Phan Châu Trinh thể hiện trên các lĩnh vưc.
A. Kinh tế, văn hóa, xã hội.
B. Kinh tế, quân sự, ngoại giao.
C. Kinh tế, xã hội, quân sự.
D. Văn hóa, xã hội, quân sự.
Câu 101: Phong trào chống thuế năm 1908 ở Trung Kì chịu ảnh hưởng của.
A. Hoạt động dạy học ở Đông Kinh nghĩa thục.
B. Phong trào Duy Tân.
C. Phong tròa Đông du.
D. Hội Duy Tân.
Câu 102: Người sáng lập ra trường Đông Kinh Nghĩa Thục là.
A. Phan Bội Châu.
B. Phan Châu Trinh.
C. Huỳnh Thúc Kháng.
D. Lương Văn Can.
Câu 103: Để phục vụ cho chiến tranh, Pháp đã tập trung trồng những nông nghiệp sau.
A. Lúa, cao su.
B. Ngô, cà phê.
C. Thầu dầu, đậu lạc, cà phê, cao su.
D. Khoai, lúa.
Câu 104: Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, công thương nghiệp và giao thông vận tải ở Việt Nam có điều kiện phát triển vì.
A. Pháp mải mê với chiến tranh.
B. Chính sách nới lỏng tay độc quyền cho tư sản người Việt kinh doanh tương đối tự do.
C. Bất lực trong chính sách khai thác không đem lại lợi nhuận.
D. Sự vùng lên đòi tự do kinh doanh của các nhà tư sản Việt Nam.
Câu 105: Công ty Bạch Thái Bưởi kinh doanh nghành.
A. Tàu biển.
B. Xe hơi.
C. Xay xát.
D. Thủy tinh.
Câu 106: Lực lượng chủ chốt của phong trào dân tộc lúc này là.
A. Địa chủ, nông dân.
B. Nông dân, công nhân.
C. Tư sản, công nhân.
D. Tư sản và tiểu tư sản.
Câu 107: Lục lượng tha gia và hình thức hoạt động cuả Việt Nam Quang Phục hội trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất là.
A.giáo dục tuyên truyền.
B. Cải cách văn hóa xã hội.
C. Kêu gọi mọi người đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị.
D. Vận động nhiều tầng lớp tham gia vào các cuộc bạo động.

Câu 108: Vua Duy Tân tham gia vào hoạt động của tổ chức yêu nước nào?
A. Việt Nam Quang phục hội.
B. Khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân.
C. Khởi nghĩa ở Thái Nguyên.
D. Phong trào hội kín ở Nam Kì.
Câu 109: Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa binh lính Thái Nguyên là.
A. Thái Phiên, Trần Cao Vân.
B. Vua Duy Tân, Thái Phiên.
C. Lương Ngọc Quyến, Trần Cao vân.
D. Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến.
Câu 110: Cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên đã làm chủ tịch lị trong thời gian là.
A. 1 tuần lễ.
B. 3tuần lễ.
C. 2 tuần lễ.
D. 4 tuần lễ.
Câu 111: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này nhằm mục đích.
A.giúp đất nước phát triển kinh tế.
B. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.
C. Xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.
D. Tìm hiểu cuộc sống của những người lao động ở nước ngoài.
Câu 112: Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước vì.
A. Muốn tìm hiểu xem các nước phương Tây làm cách mạng thế nào.
B. Muốn nhờ sự giúp đỡ của Pháp để khai thác hóa văn minh.
C. Muốn nhờ sự giúp đỡ của các nước phương Tây đối với Việt Nam.
D. Tìm liên lạc với những người Việt Nam ở nước ngoài.
Câu 113: Giai cấp công dân Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh nào của cuộc khai thác thuộc địa của tư bản Pháp?
A. Trước khi tư bản Pháp tiến hành khia thác thuộc địa.
B. Trong quá trình tư bản Pháp tiến hành khai thác thuộc địa.
C. Sau khi tư bản Pháp tiến hành khia thác thuộc địa.
D.
Câu 114: Nguồn gốc của giai cấp công dân Việt Nam là từ đâu?
A. Nông dân bị phá sản.
B. Thợ thủ công bị phá sản.
C. Địa chủ phá sản.
D. Tư sản nghèo.
Câu 115: Trước chiến tranh thế giới thứ nhất số lượng công nhân Việt Nam là bao nhiêu?
A. Khoảng 6 vạn người.
B. Khoảng 8 vạn người.
C. Khoảng 9 vạn người.
D. Khoảng 10 vạn người.
Câu 116: Giai cấp công nhân Việt Nam đấu tranh nhằm chống lại kẻ thù nào?
A. Địa chủ phong kiến.
B. Nông dân.
C. Tư bản Pháp.
D. Quan lại.
Câu 117: Điểm mới của phong trào công dân Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?
A. Mang tính tự phát.
B. Chuyển sang tự giác.

C. Có sự liên kết với các giai cấp khác.
D. Phong trào chỉ vì mục tiêu kinh tế.
Câu 118: Nguyễn Ái Quốc rời cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước vào thời gian nào?
A. Ngày 5/6/1911.
B. Ngày 6/5/1911.
C. Ngày 1/6/1911.
D. Ngày 5/6/1912.
Câu 119: Nhà Nguyễn được thành lập vào năm?
A. 1801.
B. 1803.
C. 1802.
D. 1804.
Câu 120: Nhà Nguyễn đặt kinh đô ở đâu?
A. Phú Xuân.
B. Hà Nội.
C. Hội An.
D. Gia Định.
Câu 121: Thực dân Pháp đem quân xâm lược nước ta dưới thời vua nào?
A. Gia Long.
B. Minh Mạng.
C. Thiệu Trị.
D. Tự Đức.
Câu 122: Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam vì?
A. Muốn phát liến vùng đất mới.
B. Muốn giúp đỡ các nước chậm phát triển.
C. Muốn xâm lược thuộc địa để phát triển của chủ nghĩa thực dân.
D. Muốn cạnh tranh với các nước khác.
Câu 123: Pháp nổ súng đánh chiếm nước ta đầu tiên ở đâu?
A. Đà Nẵng.
B. Huế.
C. Gia Định.
D. Hà Nội.
Câu 124: Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam vào?
A. 1/9/1858.
B. 17/2/1859.
C. 24/2/1861.
D. 5/6/1862.
Câu 125: Người đốt cháy tàu Hi Vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông năm 1861 là?
A. Nguyễn Tri Phương.
B. Nguyễn Trung Trực.
C. Trương Định.
D. Nguyễn Hữu Huân.
Câu 126: Trương Định được nhân dân suy tôn là?
A. Bố Cái Đại Vương.
B. Bắc Bình Vương.
C. Bình Tây Đại Nguyên Soái.
D. An Nam Vương.
Câu 127: Tổng đốc thành Hà Nội năm 1882 là?
A. Nguyễn Tri Phương.

B. Phan Thanh GỈan.
C. Trương Định.
D. Hoàng Diệu.
Câu 128: Đại tá Rivee bị bỏ mạng ở cầu Gí ấy vào ngày?
A. 20/11/1873.
B. 21/12/1873.
C. 25/4/1882.
D. 19/5/1883.
Câu 129: Tướng giặc Gác-ni-ve-e đã bị quân và dân ta phục kích, giết chết tại trận ở?
A. Sông Nhật Tảo.
B. Sông Vàm Cỏ.
C. Đồn Mang Cá.
D. Trận cầu Gi ấy làn 1 và lần 2
Câu 130: Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương là?
A. Khởi nghĩa Bãi Sậy.
B. Khởi nghĩa Ba Định.
C. Khởi nghĩa Hương Khê.
D. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh.
Câu 131: Nguyên nhân cơ bản làm cho nước ta trở thành thuộc địa của pháp là?
A. Tương quan lực lượng chênh lệch.
B. Nhân dân chưa sãn sàng chống Pháp.
C. Thái độ và trách nhiệm của triều đình Huế trong việc để mất nước ta.
D. Pháp mua chuộc các thủ lĩnh phong trào.
Câu 132: Cuộc khởi nghĩa không nằm trong phong trào Cần Vương là?
A. Khởi nghĩa Ba Đình.
B. Khởi nghĩa Yên Thế.
C. Khởi nghĩa Bãi Sậy.
D. Khởi nghĩa Hương Khê.
Câu 133: Vị vua hạ " Chiếu Cần Vương" kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước là?
A. Hàm Nghi.
B. Hiệp Hòa.
C. Duy Tân.
D. Đồng Khánh.